

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 25/9/2020  
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vi Khánh Dân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Xuân và Bà Hoàng Thị Bích Hương.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nông Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án- Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông Lương Văn Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bé Thị N**, sinh năm 1994; Đăng ký HKTT: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh **Ma Thanh T**, sinh năm 1991; Đăng ký HKTT: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt- có đơn xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Bé Thị N trình bày như sau:*

Chị và anh T lập gia đình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông ngày 07/5/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung là Ma Thị Thanh T, sinh ngày 06/5/2014. Tuy nhiên, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh T không có tiếng nói chung và anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị mong Tòa giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Hiện cháu Ma Thị Thanh T đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Ma Thanh T trình bày như sau:*

Về thời gian sống chung, kết hôn và con chung như chị N trình bày là đúng. Đến năm 2015, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh và chị N đã thống nhất là giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì thêm.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Bé Thị N được ly hôn với anh Ma Thanh T; về con chung: Giao cháu Ma Thị Thanh T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định các vấn đề cần giải quyết như sau:*

- Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Chị N và anh T đã được Tòa án triệu tập đến để tiến hành hòa giải. Tuy nhiên, anh T đã không hợp tác nên chị N đã yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Nội dung vụ án:

[1]. *Về hôn nhân*: Chị Bé Thị N và anh Ma Thanh T lập gia đình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N yêu cầu ly hôn, tại lời khai anh T nhất trí ly hôn với chị N.

Qua quá trình thu thập chứng cứ thể hiện: Cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh T không hạnh phúc, nguyên nhân do mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên tranh cãi, thực tế hai người đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và chị N yêu cầu ly hôn anh T cũng đã nhất trí nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1

Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bế Thị N.

[2]. *Về con chung*: Chị Bế Thị N và anh Ma Thanh T có 01 con chung, tên là Ma Thị Thanh T, sinh ngày 06/5/2014. Chị N có nguyện vọng sau khi ly hôn chị được trực tiếp chăm sóc con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý.

Qua quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện: Cháu Ma Thị Thanh T sinh ngày 06/5/2014 hiện nay đang còn nhỏ (dưới 07 tuổi) đang sống cùng với chị N và được tạo điều kiện học hành. Xét thấy, chị N và anh T đã thống nhất giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Theo Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[3]. *Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng*: Tại lời khai và tại phiên tòa, chị N không yêu cầu cấp dưỡng khi được trực tiếp nuôi con chung; anh T đã thống nhất giao con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và cũng thống nhất anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu của các đương sự.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Chị N và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Chị Bế Thị N được ly hôn với anh Ma Thanh T.

**2. Về con chung:** Giao cháu Ma Thị Thanh T, sinh ngày 06/5/2014 cho chị Bé Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Bé Thị N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước. *Xác nhận chị N đã nộp tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số: AA/2018/0002262 ngày 19/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.*

Án xử công khai sơ thẩm. Báo chí N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện T;
- UBND xã Đ, K, Đắc Nông;
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vi Khánh Dân**